

**QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định giá dịch vụ sử dụng điện tích  
bán hàng tại chợ trên địa bàn tỉnh Cà Mau**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU**

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Luật giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;*

*Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá; Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 24/TTr-SCT ngày 17 tháng 3 năm 2017 về việc ban hành Quy định giá dịch vụ sử dụng điện tích bán hàng tại chợ trên địa bàn tỉnh Cà Mau và Báo cáo thẩm định số 89/BC-STP ngày 14 tháng 3 năm 2017 của Sở Tư pháp.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quyết định này quy định giá dịch vụ sử dụng điện tích bán hàng tại chợ (bao gồm chợ được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước và vốn ngoài ngân sách nhà nước) trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Các cơ quan quản lý nhà nước, Ban Quản lý chợ, Tổ Quản lý chợ (gọi chung là Ban Quản lý chợ) và các doanh nghiệp, hợp tác xã (gọi chung là doanh nghiệp) quản lý, kinh doanh chợ.

2. Các tổ chức, cá nhân sử dụng điểm kinh doanh, mặt bằng, điện tích bán hàng, dịch vụ tại chợ trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

**Điều 3.** Giá cụ thể đối với dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước

1. Chợ trên địa bàn thành phố Cà Mau (không bao gồm chợ ở các xã trên địa bàn thành phố Cà Mau)

*Đơn vị tính: Đồng/m<sup>2</sup>/tháng*

STT	Hạng chợ		Giá cụ thể (bao gồm thuế)
01	Chợ hạng 1	Chợ có nhà lồng	180.000
02		Chợ không có nhà lồng	130.000
03	Chợ hạng 2	Chợ có nhà lồng	162.000
04		Chợ không có nhà lồng	113.000
05	Chợ hạng 3	Chợ có nhà lồng	50.000
06		Chợ không có nhà lồng	30.000

2. Chợ trên địa bàn thị trấn

*Đơn vị tính: Đồng/m<sup>2</sup>/tháng*

STT	Hạng chợ		Giá cụ thể (bao gồm thuế)
01	Chợ hạng 1	Chợ có nhà lồng	125.000
02		Chợ không có nhà lồng	90.000
03	Chợ hạng 2	Chợ có nhà lồng	50.000
04		Chợ không có nhà lồng	35.000
05	Chợ hạng 3	Chợ có nhà lồng	37.000
06		Chợ không có nhà lồng	26.000

3. Chợ trên địa bàn xã (bao gồm chợ ở các xã trên địa bàn thành phố Cà Mau)

*Đơn vị tính: Đồng/m<sup>2</sup>/tháng*

STT	Hạng chợ		Giá cụ thể (bao gồm thuế)
01	Chợ hạng 2	Chợ có nhà lồng	30.000
02		Chợ không có nhà lồng	20.000
03	Chợ hạng 3	Chợ có nhà lồng	20.000
04		Chợ không có nhà lồng	15.000

**Điều 4.** Giá tối đa đối với dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước

1. Chợ trên địa bàn thành phố Cà Mau (không bao gồm chợ ở các xã trên địa bàn thành phố Cà Mau)

*Đơn vị tính: Đồng/m<sup>2</sup>/tháng*

STT	Hạng chợ		Giá tối đa (bao gồm thuế)
01	Chợ hạng 1	Chợ có nhà lồng	400.000
02		Chợ không có nhà lồng	280.000
03	Chợ hạng 2	Chợ có nhà lồng	360.000
04		Chợ không có nhà lồng	252.000
05	Chợ hạng 3	Chợ có nhà lồng	300.000
06		Chợ không có nhà lồng	210.000

2. Chợ trên địa bàn thị trấn

*Đơn vị tính: Đồng/m<sup>2</sup>/tháng*

STT	Hạng chợ		Giá tối đa (bao gồm thuế)
01	Chợ hạng 1	Chợ có nhà lồng	360.000
02		Chợ không có nhà lồng	252.000
03	Chợ hạng 2	Chợ có nhà lồng	300.000
04		Chợ không có nhà lồng	210.000
05	Chợ hạng 3	Chợ có nhà lồng	220.000
06		Chợ không có nhà lồng	154.000

3. Chợ trên địa bàn các xã (bao gồm chợ ở các xã trên địa bàn thành phố Cà Mau)

*Đơn vị tính: Đồng/m<sup>2</sup>/tháng*

STT	Hạng chợ		Giá tối đa (bao gồm thuế)
01	Chợ hạng 2	Chợ có nhà lồng	140.000
02		Chợ không có nhà lồng	98.000
03	Chợ hạng 3	Chợ có nhà lồng	100.000
04		Chợ không có nhà lồng	70.000

**Điều 5.** Áp dụng hệ số lợi thế thương mại trong việc tính giá dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ

1. Hệ số lợi thế thương mại vị trí (hệ số k): Là hệ số được áp dụng đối với điểm kinh doanh có vị trí kinh doanh thuận tiện, lợi thế kinh doanh.

a) Vị trí 01 (k = 1,2): Là các điểm kinh doanh có mặt tiền hướng đường chính (quốc lộ, tỉnh lộ) hoặc có hai mặt tiền đường nội bộ trong khu vực chợ.

b) Vị trí 02 (k = 1): Là các điểm kinh doanh còn lại trong chợ.

2. Hệ số lợi thế thương mại khu vực hoạt động chợ (hệ số h)

a) Chợ thị trấn hạng 2

- Hệ số lợi thế thương mại khu vực thị trấn Trần Văn Thời, huyện Trần Văn Thời:  $h_1 = 1,98$ ;

- Hệ số lợi thế thương mại khu vực thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn:  $h_2 = 1,66$ .

b) Chợ xã hạng 2

- Hệ số lợi thế thương mại khu vực xã Phú Tân, huyện Phú Tân:  $h_3 = 2$ ;

- Hệ số lợi thế thương mại khu vực xã Trí Phải, huyện Thới Bình:  $h_4 = 1,44$ .

c) Chợ xã hạng 3

- Hệ số lợi thế thương mại khu vực xã Viên An và xã Đất Mũi, huyện Ngọc Hiển:  $h_5 = 1,7$ ;

- Hệ số lợi thế thương mại khu vực xã Tân Hưng và xã Hưng Mỹ, huyện Cái Nước:  $h_6 = 1,5$ .

- Đối với các khu vực chợ còn lại trên địa bàn tỉnh có hệ số lợi thế thương mại khu vực:  $h_0 = 1$ .

3. Xác định số tiền cho thuê diện tích bán hàng tại chợ hàng tháng:

Tiền thuê hàng tháng = (Đơn giá) x (diện tích thuê) x (k) x (h)

Trong đó:

- Đơn giá: Là giá cụ thể được quy định tại Điều 3 Quyết định này;

- k: hệ số thương mại về vị trí;

- h: hệ số thương mại về khu vực.

4. Đối với các chợ được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước được áp dụng hệ số lợi thế thương mại, nhưng đảm bảo không vượt mức giá tối đa quy định tại Điều 4 Quyết định này.

## **Điều 6. Quản lý và sử dụng nguồn thu**

1. Đối với các chợ được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước: Nguồn thu từ việc cung cấp dịch vụ sử dụng điện tích bán hàng tại chợ là khoản thu nhằm bù đắp chi phí đầu tư, chi phí quản lý, lợi nhuận hợp lý; nguồn thu được ưu tiên đầu tư trở lại để nâng cấp, phát triển chợ.

2. Đối với chợ được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước thực hiện theo Luật Doanh nghiệp và các quy định của pháp luật có liên quan.

## **Điều 7. Quy định chuyển tiếp**

Các hợp đồng đã được ký kết giữa Ban Quản lý chợ, doanh nghiệp quản lý chợ với tổ chức, cá nhân sử dụng điện tích bán hàng tại chợ (theo hình thức phí chợ) đang còn hiệu lực được tiếp tục thực hiện; đến khi kết thúc hợp đồng thì điều chỉnh sang hình thức giá dịch vụ theo quy định tại Quyết định này.

## **Điều 8. Tổ chức thực hiện**

- Giám đốc Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau tổ chức triển khai, hướng dẫn thực hiện Quyết định này.

- Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc có thay đổi văn bản nguồn, diễn biến tình hình giá cả thị trường và những tác động khác ảnh hưởng đến mặt bằng giá dịch vụ sử dụng điện tích bán hàng tại chợ quy định tại Quyết định này, đề nghị các cơ quan, đơn vị, các tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh về Sở Công Thương để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

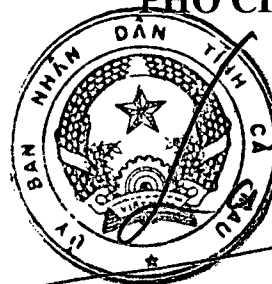
## **Điều 9. Điều khoản thi hành**

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2017 và thay thế Quyết định số 34/2007/QĐ-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về việc ban hành quy định chi tiết mức thu, quản lý, sử dụng Phí chợ trên địa bàn tỉnh Cà Mau./.

### **Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính (Vụ Pháp chế);
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);
- TT. Tỉnh ủy; TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Phòng KT (Đ03.02);
- Lưu: VT, Tu8/7.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lâm Văn Bi**